

Tứ Kỳ, ngày 16 tháng 10 năm 2023

Số: ~~178~~ /TB-HĐTD

THÔNG BÁO

Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), hình thức thi viết và tiếp nhận đơn phúc khảo kết quả bài thi, kỳ tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tứ Kỳ năm 2023

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Thực hiện Kế hoạch số 2322/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc tổ chức tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023; Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Căn cứ kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), hình thức thi viết, Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tứ Kỳ năm 2023 thông báo các nội dung như sau:

1. Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2), hình thức thi viết

(Có danh sách kết quả bài thi của từng thí sinh kèm theo).

Kết quả thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành (vòng 2) hình thức thi viết, sẽ được Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tứ Kỳ năm 2023 thông báo đến từng thí sinh.

2. Thời gian, địa điểm nộp đơn phúc khảo và phí phúc khảo

Hội đồng tuyển dụng nhận đơn phúc khảo của thí sinh, như sau:

- Thời gian tiếp nhận: Trong giờ hành chính, từ 07 giờ 00 phút ngày 17/10/2023 đến 16 giờ 30 phút ngày 01/11/2023.

- Địa điểm tiếp nhận: Hội đồng tuyển dụng (qua Phòng Nội vụ huyện Tứ Kỳ), địa chỉ: Số 02 đường Tây Nguyên, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Phí phúc khảo: 150.000 đồng/01 bài thi (theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính).

- Đơn đề nghị phúc khảo phải là văn bản giấy, do thí sinh trực tiếp làm và ký tên. Không chấp nhận phúc khảo đối với các đơn phúc khảo bài thi nhận được sau thời hạn quy định nêu trên (tính theo dấu bưu điện nếu đơn gửi theo đường bưu chính); không chấp nhận phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo được gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Mọi chi tiết xin liên hệ với Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tứ Kỳ năm 2023 (qua phòng Nội vụ huyện, theo số điện thoại 0220.3747.218) để được hướng dẫn, giải quyết.

Hội đồng tuyển dụng giáo viên và nhân viên các cơ sở giáo dục công lập ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Tứ Kỳ năm 2023 thông báo để các thành viên Hội đồng, Ban giám sát, các cơ quan, đơn vị có liên quan và các thí sinh dự thi biết, thực hiện./. *Qyt*

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo kỳ tuyển dụng tỉnh;
- Ban giám sát kỳ tuyển dụng tỉnh;
- Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- Ban giám sát kỳ tuyển dụng huyện;
- Thành viên HĐTD;
- Các trường có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: HĐTD. *Q*

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Vũ Thị Hà**

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN
CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP
NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023

KẾT QUẢ THI MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH (VÒNG 2), HÌNH THỨC THI VIẾT
KỲ TUYỂN DỤNG GIÁO VIÊN VÀ NHÂN VIÊN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TỨ KỲ NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số 178/TB-HĐTD ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	Phòng thi số	THÔNG TIN THÍ SINH			THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
		SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi	Điểm trừ			
									Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
01	1	A000001	Đặng Hải Anh	23/07/2002	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hà Thanh	Không	82,5				82,5
02	1	A000002	Nguyễn Thị Bình	20/06/1995	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hưng Đạo	Không	90				90
03	1	A000003	Nguyễn Thị Hường Hoa	23/11/1993	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hà Kỳ	Không	66,5				66,5
04	1	A000004	Nguyễn Thu Hoà	15/12/1987	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Ngọc Kỳ	Không	97				97
05	1	A000005	Nguyễn Thị Huyền	25/10/1996	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tái Sơn	Không	96				96
06	1	A000006	Nguyễn Thị Huyền	23/10/2002	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tái Sơn	Không	70,5				70,5
07	1	A000007	Lưu Thị Lý	02/02/1988	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đại Sơn	Không	95,5				95,5
08	1	A000008	Trần Thị Mai	01/12/2001	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hà Thanh	Không					Bỏ thi
09	1	A000009	Bùi Thị Thanh Nga	29/06/1983	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Cộng Lạc	Không					Bỏ thi
10	1	A000010	Trần Thị Ngọc	01/12/2001	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Tái Sơn	Không					Bỏ thi
11	1	A000011	Nguyễn Như Quỳnh	02/08/1992	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hưng Đạo	Không	97				97
12	1	A000012	Nguyễn Thị Như Quỳnh	05/02/1990	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hưng Đạo	Không	86				86
13	1	A000013	Nguyễn Thị Thảo	25/03/1996	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Cộng Lạc	Không	94				94
14	1	A000014	Bùi Thị Thuý	12/02/1991	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Cộng Lạc	Không	96				96
15	1	A000015	Lương Thị Hoài Thương	03/07/1989	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Đại Sơn	Dân tộc thiểu số	96,5			5	101,5
16	1	A000016	Phạm Thị Tuyết	09/04/1984	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Hưng Đạo	Không	96,5				96,5
17	1	A000017	Nguyễn Thị Thu Vân	07/09/2002	Giáo viên Mầm non	Trường Mầm non Chí Minh II	Không	52,5				52,5



TT	Phòng thi số	THÔNG TIN THÍ SINH			THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
		SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi	Điểm trừ			
18	1	A120018	Tạ Thị Hậu	11/03/1993	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Quang Trung	Không					Bỏ thi
19	1	A120019	Nguyễn Thị Linh	26/06/1994	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Quang Trung	Không	86,5				86,5
20	1	A120020	Nguyễn Thị Loan	27/03/1991	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Bình Lăng	Không	75,5				75,5
21	1	A120021	Nguyễn Thị Thanh Nga	06/01/1993	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Quang Trung	Không	86				86
22	1	A120022	Nguyễn Thị Kiều Oanh	07/10/2001	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Quang Trung	Không	54,5				54,5
23	1	A120023	Trịnh Thị Thu Thủy	14/06/1989	Nhân viên Kế toán	Trường Mầm non Bình Lăng	Không	85,5				85,5
24	2	B010001	Nguyễn Thị Hải Anh	26/12/1996	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Kỳ Sơn	Không	85				85
25	2	B010002	Phạm Thị Thủy Dung	01/03/2000	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Dân Chủ	Không	64				64
26	2	B010003	Trần Thu Hà	27/07/1999	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Quang Phục	Không	94,5				94,5
27	2	B010004	Bùi Thị Hạnh	14/06/1989	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Tân Kỳ	Không	93,5				93,5
28	2	B010005	Bùi Thị Hoa	16/07/1999	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Quang Trung	Không	96				96
29	2	B010006	Trương Thị Hoa	22/07/1990	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Dân Chủ	Không					Bỏ thi
30	2	B010007	Lê Thị Huệ	05/09/1993	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Dân Chủ	Không	96				96
31	2	B010008	Phạm Thị Lý	16/02/1984	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Quang Trung	Không	89,5				89,5
32	2	B010009	Nguyễn Thị Ngọc	01/11/1990	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Đại Hợp	Không	98				98
33	2	B010010	Đinh Thị Minh Nguyệt	11/01/1998	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Đại Đồng	Không	88				88
34	2	B010011	Phạm Thị Minh Nguyệt	20/03/1990	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Đại Đồng	Không	97,5				97,5
35	2	B010012	Nguyễn Thị Nhân	26/09/1993	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Quang Phục	Không					Bỏ thi
36	2	B010013	Nguyễn Thị Kiều Oanh	02/02/2001	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Phượng Kỳ	Không	91				91
37	2	B010014	Phùng Thị Thu Phương	23/03/2001	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Nguyên Giáp	Không	94,5				94,5
38	2	B010015	Nguyễn Hoài Thanh	16/06/1992	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học thị trấn Tứ Kỳ	Không					Bỏ thi
39	3	B010016	Nguyễn Bá Thành	14/09/1979	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Bình Lăng	Không	75,5				75,5
40	3	B010017	Ngô Thị Thơ	26/05/1993	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Chí Minh I	Không	96,5				96,5
41	3	B010018	Nguyễn Thị Thu	04/09/1989	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học thị trấn Tứ Kỳ	Không	97				97

TT	Phòng thi số	THÔNG TIN THÍ SINH			THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
		SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi	Điểm trừ Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
42	3	B010019	Phạm Thị Thuý	06/06/1988	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Văn Tổ	Không	94				94
43	3	B010020	Nguyễn Thị Kim Tuyền	18/01/1987	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Văn Tổ	Không	95				95
44	3	B010021	Nguyễn Thị Yến	02/07/1987	Giáo viên Văn hoá	Trường Tiểu học Quang Khải	Không	79				79
45	4	C030001	Lương Thị Châu	02/06/1987	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường THCS Chí Minh	Không	81				81
46	4	C030002	Nguyễn Thanh Hưng	16/04/1985	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường THCS Tiên Động	Con thương binh	92,5			5	97,5
47	4	C030003	Hoàng Thị Bích Diệp	10/05/1999	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường THCS Phượng Kỳ	Không	76				76
48	4	C030004	Vũ Thị Nhu	30/07/1991	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường THCS Phan Bội Châu	Không	72				72
49	4	C030005	Vũ Thị Thu Trang	10/03/2001	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường THCS Phan Bội Châu	Không	87,5				87,5
50	4	C060006	Nguyễn Thuý Dung	25/10/2001	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Văn Tổ	Không	92				92
51	4	C060007	Lưu Thị Minh Huệ	06/01/2000	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Phan Bội Châu	Không	87				87
52	4	C060008	Nguyễn Thị Huệ	02/12/1989	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Kỳ	Con thương binh				5	Bỏ thi
53	4	C060009	Nguyễn Thị Lan	09/05/1990	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Kỳ	Không	76,5				76,5
54	4	C060010	Phạm Thị Loan	25/09/1985	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Kỳ	Không	79				79
55	4	C060011	Phạm Thị Mùi	06/07/1991	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Phượng Kỳ	Không	84				84
56	4	C060012	Phạm Thị Thục	02/03/1984	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tân Kỳ	Không	68				68
57	4	C060013	Triệu Thị Phương Thúy	30/09/1993	Giáo viên Ngữ văn	Trường THCS Tiên Động	Dân tộc thiểu số	66			5	71
58	4	C100014	Nguyễn Thị Hiền	30/11/1990	Giáo viên Sinh học	Trường THCS Nguyễn Giáp	Không	77				77
59	4	C110015	Phạm Xuân Bình	16/10/1982	Giáo viên Công nghệ	Trường THCS Tiên Động	Con thương binh	83			5	88
60	4	C130016	Nguyễn Ngọc Mai	14/08/1985	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Chí Minh	Không	62				62

TT	Phòng thi số	THÔNG TIN THÍ SINH			THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
		SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi	Điểm trừ	Số điểm trừ (-)		
61	4	C130017	Hoàng Thị Nhung	17/06/1989	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Chí Minh	Con thương bình	52,5			5	57,5
62	4	C130018	Phạm Thị Thoan	30/11/1988	Nhân viên Kế toán	Trường THCS Chí Minh	Không	83,5				83,5
63	4	C140019	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/11/1986	Nhân viên Thiết bị	Trường THCS Chí Minh	Không	88,5				88,5
64	5	C070020	Hoàng Việt Dũng	18/08/1996	Giáo viên Toán	THCS Quảng Nghiệp	Không	96				96
65	5	C070021	Mai Ngọc Đức	13/05/1994	Giáo viên Toán	THCS Phan Bội Châu	Không	65				65
66	5	C070022	Đinh Thị Hạnh	01/12/1989	Giáo viên Toán	Trường THCS Tân Kỳ	Con thương bình	69			5	74
67	5	C070023	Vũ Thị Hạnh	01/01/1994	Giáo viên Toán	Trường THCS Quảng Nghiệp	Không	92,5				92,5
68	5	C070024	Nguyễn Thị Xuân Hoà	06/02/1998	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	Không	97				97
69	5	C070025	Bùi Việt Hoàng	24/04/2001	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Giáp	Không					Bỏ thi
70	5	C070026	Nguyễn Thị Huế	27/03/1991	Giáo viên Toán	Trường THCS Hà Kỳ	Không	91,5				91,5
71	5	C070027	Nguyễn Thị Huệ	08/10/1997	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Giáp	Không	91,5				91,5
72	5	C070028	Nguyễn Thị Thu Huyền	23/02/1986	Giáo viên Toán	Trường THCS Hà Thanh	Không	98				98
73	5	C070029	Phạm Diệu Linh	15/12/1993	Giáo viên Toán	Trường THCS Quảng Nghiệp	Không	92				92
74	5	C070030	Nguyễn Thị Mỹ Linh	09/09/1998	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Giáp	Không					Bỏ thi
75	5	C070031	Đỗ Thị Mai	13/01/2001	Giáo viên Toán	Trường THCS Hà Thanh	Không	89				89
76	5	C070032	Phạm Thị Ngoãn	02/09/1988	Giáo viên Toán	Trường THCS Hà Kỳ	Không	91				91
77	5	C070033	Đào Ngọc Sơn	01/06/1997	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Giáp	Không					Bỏ thi
78	5	C070034	Phan Thị Thanh Tâm	01/11/1996	Giáo viên Toán	Trường THCS Nguyễn Giáp	Không					Bỏ thi
79	5	C070035	Dương Thị Thái	10/05/1990	Giáo viên Toán	Trường THCS Phan Bội Châu	Không	85,5				85,5
80	5	C070036	Dương Phương Thuý	08/07/1991	Giáo viên Toán	Trường THCS Chí Minh	Không	93				93
81	5	C080037	Nguyễn Thị Cẩm Sơn	14/08/2001	Giáo viên Vật lý	Trường THCS Tiên Động	Không	75,5				75,5

TT	Phòng thi số	THÔNG TIN THÍ SINH			THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN			KẾT QUẢ THI VÒNG 2			Điểm ưu tiên trong tuyển dụng (+)	Tổng điểm
		SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm bài thi	Điểm trừ			
									Trừ % tổng số điểm của bài thi	Số điểm trừ (-)		
82	5	C090038	Bùi Yến Nhi	29/02/1996	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Quang Khải	Không	70				70
83	5	C090039	Đỗ Thị Thúy	26/06/1995	Giáo viên Hoá học	Trường THCS Quang Khải	Không	85				85
84	6	B020022	Nguyễn Công Đạt	12/10/1997	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường Tiểu học Kỳ Sơn	Không	80				80
85	6	B020023	Phạm Thị Hạ	12/08/1990	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường Tiểu học An Thanh	Không	79				79
86	6	B020024	Lê Nho Khoé	26/06/1994	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường Tiểu học Hưng Đạo	Không	58,5				58,5
87	6	B020025	Nguyễn Thị Nga	03/07/1989	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường Tiểu học An Thanh	Không	71,5				71,5
88	6	B020026	Đào Thị Thuỳ	11/10/1990	Giáo viên Giáo dục thể chất	Trường Tiểu học Quang Trung	Không	90,5				90,5
89	6	B040027	Nguyễn Thị Vân Anh	15/07/1995	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Chí Minh I	Không	79				79
90	6	B040028	Bùi Thị Ngọc Bình	02/08/1986	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Nguyễn Giáp	Không	76				76
91	6	B040029	Hà Thị Trang	13/10/1992	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Hà Kỳ	Không	80				80
92	6	B040030	Phạm Thị Trang	18/10/1989	Giáo viên Ngoại ngữ	Trường Tiểu học Dân Chủ	Không	74				74